

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-09-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bơ

Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 10/4 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 01 đường P, Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01 tháng 04 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng N quen biết và chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở phường 6, thành phố T sinh sống từ đầu năm 2020 và vợ chồng chấm dứt quan hệ từ năm 2020 đến nay, nay ông xét thấy tình cảm không còn nên yêu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/12/2005 và Nguyễn Thị Hồng Yến, sinh ngày 16/4/2011 hiện đang sống chung với ông Đ. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngày 18/6/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Đ có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa ông Đ và bà N là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai thường xuyên mâu thuẫn. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc ông Đ xin ly hôn nhưng bà N không có ý kiến, điều này cho thấy bà N không muốn hàn gắn tình cảm với ông Đ. Như vậy hôn nhân giữa ông Đ và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng Diệp, sinh ngày 29/12/2005 và Nguyễn Thị Hồng Yến, sinh ngày 16/4/2011 cho ông Đ nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của Hồng Diệp và Hồng Yến. Ngoài ra, còn để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của các cháu, tránh thay đổi về môi trường sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Tiến Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng N. Bà N có có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ở phường 6, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 7 năm 2005 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, ông Đ và bà N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai không còn quan tâm, chia sẻ, thương yêu chăm sóc lẫn nhau và đã chấm dứt quan hệ vợ chồng vào năm 2020 đến nay, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án, bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc ông Đ xin ly hôn nhưng bà N không có ý kiến, thể hiện ý chí không muốn đoàn tụ với ông Đ. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà N.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Đ và bà N có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/12/2005 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 16/4/2011 hiện ông Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu Tòa án giao con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng, tự nguyện không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 28/4/2021 Nguyễn Thị Hồng D và Nguyễn Thị Hồng Y nguyện vọng muốn sống với ông Đ.

Xét thấy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của Nguyễn Thị Hồng D và Nguyễn Thị Hồng Y, tránh thay đổi về môi trường sống và học tập nên chấp nhận yêu cầu của ông Đ. Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng D và Nguyễn Thị Hồng Y cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ tự nguyện không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đề cập.

Trong trường hợp sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến Đ đối với bà Nguyễn Thị Hồng N về yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Về con chung: Giao 02 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 29/12/2005 và Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 16/4/2011 cho ông Nguyễn Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Hồng N không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến Đ chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005293 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND TT B, H B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hải Trịnh Thị Lệ Hoa

Nguyễn Thị Diễm Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã An Vĩnh Ngãi, tp T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

